

Số: /TM-TTYT

Ngũ Hành Sơn, ngày tháng 3 năm 2025

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Về việc cung cấp đồ bảo hộ lao động cho nhân viên Y tế tại Trung tâm Y tế quân Ngũ Hành Sơn- Năm 2025

Kính gửi: Quý Công Ty cung cấp dịch vụ may trang phục Y tế

Hiện nay, Trung tâm Y tế quận Ngũ Hành Sơn đang có nhu cầu may đồ bảo hộ lao động cho nhân viên Y tế trong năm 2025.

Thời gian cung cấp: Sau khi hợp đồng có hiệu lực. (Quý II-2025)

Địa điểm tại: Trung tâm Y tế quận Ngũ Hành Sơn.

Để có căn cứ xây dựng giá dự toán mua sắm. Trung tâm Y tế quận Ngũ Hành Sơn kính mời quý Công ty chuyên may đồ bảo hộ lao động cho nhân viên Y tế tham gia chào giá theo danh mục và số lượng cụ thể như sau:

Stt	Danh mục	YÊU CẦU VỀ màu sắc, chất liệu, kiểu dáng	Đvt	Số lượng
01	Trang phục Bác sĩ	* Áo: - Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ Danton cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía sau xẻ giữa tới ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài bên tên trên ngực trái. - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Vải Kate ford hoặc tương đương Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 62±1; COTTON 38 ±1 Khối lượng vải (G/M2) 145 ±2 Mật độ vải (Sợi/10CM) 286x246 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 48x51 ±2 Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp): 4 Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN) (-1)x(-1,5)±0.2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h - Kích cỡ: May theo số đo của từng cán bộ công nhân viên Trung tâm. * Quần: - Màu sắc: Màu trắng	Bộ	108

		- Chất liệu: Vải Kaki thun Định tính và định lượng nguyên liệu (%):POLYESTER: (80 ±1)%; Visco: (15±1)%; spandex: (5±1)% Khối lượng vải (G/M2) 243 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM) 482x368 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 123x296 ±2 Độ vốn gút sau 6 giờ (Cấp): 4 Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN) (-0,5)x(0)±0,1 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. * Mũ: - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Vải Kate ford Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 62±1; COTTON 38 ±1 Khối lượng vải (G/M2) 145 ±2 Mật độ vải (Sợi/10CM) 286x246 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 48x51 ±2 Độ vốn gút sau 6 giờ (Cấp): 4 Sự thay đổi kích thước sau sau giặt và làm khô (%) (DxN) (-1)x(-1,5)±0.2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h		
02	Trang phục Điều dưỡng, Hộ sinh, Y sỹ	* Áo/ Hoặc váy (Có hình mẫu kèm theo) - Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước: có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái; - Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, kích thước viền rộng 0,5 cm. - Chất liệu: Vải Kate ford - Màu sắc: Vải màu trắng Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 62±1; COTTON 38 ±1 Khối lượng vải (G/M2) 145 ±2 Mật độ vải (Sợi/10CM) 286x246 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 48x51 ±2	Bộ	162

		Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp): 4 Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN) $(-1) \times (-1,5) \pm 0,2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h - Kích cỡ: May theo số đo của từng cán bộ công nhân viên Trung tâm. * Quần - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Vải Kaki thun Định tính và định lượng nguyên liệu (%): POLYESTER: $(80 \pm 1)\%$; Visco: $(15 \pm 1)\%$; spandex: $(5 \pm 1)\%$ Khối lượng vải (G/M2) 243 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM) $482 \times 368 \pm 2$ Độ bền xé rách (N) (DxN) $123 \times 296 \pm 2$ Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp): 4 Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN) $(-0,5) \times (0) \pm 0,1$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, có 1 túi sau. * Mũ: - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Vải Kate ford Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 62 ± 1; COTTON 38 ± 1 Khối lượng vải (G/M2) 145 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM) $286 \times 246 \pm 2$ Độ bền xé rách (N) (DxN) $48 \times 51 \pm 2$ Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp): 4 Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN) $(-1) \times (-1,5) \pm 0,2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h		
03	Trang phục nhân viên Tổ công tác xã hội	* Áo Sơ mi/ Hoặc váy (Có hình mẫu kèm theo) - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Vải Bamboo Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyeste $(65 \pm 1)\%$; Visco $(32 \pm 1)\%$; Spandex $(3 \pm 1)\%$	Bộ	14

	Khối lượng vải (G/M2): 146 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM): $606 \times 341 \pm 2$ Độ bền xé rách (N) (DxN): $83 \times 52 \pm 2$ Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN) $(-1,0) \times (-0,5) \pm 0,1$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h - Kiểu dáng: Áo sơ mi cổ đực, cài cúc giữa, ngắn tay hoặc dài tay, có túi bên trái, trong túi có đai cài bút. - Kích cỡ: May theo số đo của từng cán bộ công nhân viên Trung tâm.	
	* Chân váy/Quần: - Màu sắc: Màu xanh tím than - Chất liệu: Vải Tuysti có độ co giãn Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyeste $(92 \pm 1)\%$; Spandex $(8 \pm 1)\%$ Khối lượng vải (G/M2): 290 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM): $897 \times 379 \pm 2$ Độ bền xé rách (N) (DxN): $172 \times 109 \pm 2$ Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN) $(-0,5) \times (0) \pm 0,1$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 2-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h - Kiểu dáng: + Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. + Chân váy kiểu jupe, tối thiểu dài ngang gối. - May theo số đo từng người * Quần: - Màu sắc: Màu xanh tím than - Chất liệu: Vải Kaki thun Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyeste $(80 \pm 1)\%$; Visco $(14 \pm 1)\%$; Spandex $(6 \pm 1)\%$ Khối lượng vải (G/M2): 248 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM): $486 \times 367 \pm 2$ Độ bền xé rách (N) (DxN): $145 \times 297 \pm 2$ Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN) $(-0,5) \times (0) \pm 0,1$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 2-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, có 1 túi sau.	

04	Trang phục Kỹ thuật viên y	* Áo: - Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài bên trên ngực trái. - Chất liệu: Vải Kate ford - Màu sắc: Vải màu trắng Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 62±1; COTTON 38 ±1 Khối lượng vải (G/M2) 145 ±2 Mật độ vải (Sợi/10CM) 286x246 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 48x51 ±2 Độ vốn gút sau 6 giờ (Cấp): 4 Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN) (-1)x(-1,5)±0.2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h - Kích cỡ: May theo số đo của từng cán bộ công nhân viên Trung tâm. * Quần: - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Vải Kaki thun Định tính và định lượng nguyên liệu (%):POLYESTER: (80 ±1)%; Visco: (15±1)%; spandex: (5±1)% Khối lượng vải (G/M2) 243 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM) 482x368 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 123x296 ±2 Độ vốn gút sau 6 giờ (Cấp): 4 Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN) (-0,5)x(0)±0,1 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, có 1 túi sau. * Mũ: - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Vải Oxford Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 62±1; COTTON 38 ±1 Khối lượng vải (G/M2) 145 ±2 Mật độ vải (Sợi/10CM) 286x246 ±2	Bộ	34
----	----------------------------	---	----	----

		Độ bền xé rách (N) (DxN) 48x51 ±2 Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp): 4 Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN) (-1)x(-1,5)±0.2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h		
05	Trang phục Dược sỹ	* Áo : - Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía sau xẻ giữa tới ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài bên trên trên ngực trái. - Chất liệu: Vải Kate ford - Màu sắc: Vải màu trắng Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 62±1; COTTON 38 ±1 Khối lượng vải (G/M2) 145 ±2 Mật độ vải (Sợi/10CM) 286x246 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 48x51 ±2 Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp): 4 Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN) (-1)x(-1,5)±0.2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h - Kích cỡ: May theo số đo của từng cán bộ công nhân viên Trung tâm.	Bộ	30
		* Quần: - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Vải Kaki thun Định tính và định lượng nguyên liệu (%):POLYESTER: (80 ±1)%; Visco: (15±1)%; spandex: (5±1)% Khối lượng vải (G/M2) 243 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM) 482x368 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 123x296 ±2 Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp): 4 Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN) (-0,5)x(0)±0,1 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1		

		túi sau.		
		* Mũ: - Chất liệu: Vải Kate ford - Màu sắc: Vải màu trắng Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 62±1; COTTON 38 ±1 Khối lượng vải (G/M2) 145 ±2 Mật độ vải (Sợi/10CM) 286x246 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 48x51 ±2 Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp): 4 Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN) (-1)x(-1,5)±0.2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h		
06	Trang phục nhân viên Y tế công cộng; Khối Hành Chính; KTV thiết bị y tế, nhân viên bảo trì và CB Dân số	* Áo: - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Vải Bamboo Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyeste (65±1)%; Visco (32± 1)%; Spandex (3±1)% Khối lượng vải (G/M2): 146 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM): 606x341 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN): 83x52 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN) (-1,0)x(-0,5)±0,1 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h - Kiểu dáng: Áo sơ mi cổ đức, cài cúc giữa, ngắn tay hoặc dài tay, có túi bên trái, trong túi có đai cài bút. - Kích cỡ: May theo số đo của từng cán bộ công nhân viên Trung tâm. * Chân váy/Quần: - Màu sắc: Màu xanh tím than - Chất liệu: Vải Tuysti Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyeste (92±1)%; Spandex (8±1)% Khối lượng vải (G/M2): 290 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM): 897x379 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN): 172x109 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN)	Bộ	72

		$(-0,5) \times (0) \pm 0,1$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 2-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h - Kiểu dáng: + Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. + Chân váy kiểu jupe, tối thiểu dài ngang gối.		
07	Trang phục nhân viên lái xe cứu thương	* Áo: - Kiểu dáng: Kiểu bu đông, cổ đực, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, gấu tay măng xéc hoặc lơ vê, có nẹp cầu vai, phía trước có 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái. Màu sắc: Màu xanh đen - Chất liệu: Vải Kate ford Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyeste (65±1)%; Visco (32±1)%; Spandex (3±1)% Khối lượng vải (G/M2): 152 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM): 568x342 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN): 87x70 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN) $(-1,0) \times (-0,5) \pm 0,1$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h - Kích cỡ: May theo số đo của từng cán bộ công nhân viên Trung tâm.	Bộ	04
		* Quần: - Màu sắc: Màu xanh Navy đậm. - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau - Chất liệu: Vải Tuysti Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyeste (80±1)%; Visco (14±1)%; Spandex (6±1)% Khối lượng vải (G/M2): 254 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM): 489x376 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN): 135x313 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN) $(-0,5) \times (0) \pm 0,1$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 2-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h		

08	Trang phục nhân viên Hộ lý	Áo: - Kiểu dáng: Áo cổ trái tim, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông; phía trước 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Màu sắc: Màu xanh hòa bình - Chất liệu: Vải Kate Định tính và định lượng nguyên liệu (%): 100% Bông Khối lượng vải (G/M2): 266 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM): $454 \times 202 \pm 2$ Độ bền xé rách (N) (DxN): $10 \times 9 \pm 2$ Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN) $(-4,5) \times (-2) \pm 0,1$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h - Kích cỡ: May theo số đo của từng cán bộ công nhân viên Trung tâm. * Quần: - Màu sắc: Màu xanh hòa bình - Chất liệu: Vải Kaki chun Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyeste (80±1%); Visco (15±1%); Spandex (5±1)% Khối lượng vải (G/M2): 245 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM): $485 \times 376 \pm 2$ Độ bền xé rách (N) (DxN): $141 \times 259 \pm 2$ Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN) $(-0,5) \times (0) \pm 0,1$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. * Mũ: - Màu sắc: Theo màu sắc của áo	Bộ	20
09	Trang phục nhân viên Bảo vệ	* Áo: - Màu sắc: Màu Ghi - Chất liệu: Áo vải Kate ford Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyeste (46±1%); Bông (54±1)% Khối lượng vải (G/M2): 113 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM): $552 \times 286 \pm 2$ Độ bền xé rách (N) (DxN): $11 \times 7 \pm 2$	Bộ	04

	Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN) $(-1,0) \times (-0,5) \pm 0,1$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h - Kiểu dáng: Áo cổ đực, cài cúc giữa, có nẹp cầu vai, dài tay hoặc ngắn tay, gấu tay có măng xéc hoặc lơ vê, 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Kích cỡ: May theo số đo của từng cán bộ công nhân viên Trung tâm. * Quần: - Màu sắc: Màu đen - Chất liệu: Vải Tuysti Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyeste $(81 \pm 1)\%$; Visco $(13 \pm 1)\%$; Spandex $(6 \pm 1)\%$ Khối lượng vải (G/M2): 246 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM): $481 \times 376 \pm 2$ Độ bền xé rách (N) (DxN): $131 \times 233 \pm 2$ Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%) (DxN) $(-0,5) \times (0) \pm 0,1$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 3-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h- Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. Mũ: - Màu sắc: cùng màu với áo - Kiểu dáng: Mũ kiểu Kê pi	
TỔNG CỘNG:		448

- Giá chào là giá trọn gói đã bao gồm chi phí vật tư, công may, đo, phí vận chuyển, nhân công phục vụ và các loại thuế theo quy định hiện hành.

- Công ty tham gia chào giá phải ghi rõ họ tên, địa chỉ khi nộp bảng chào giá. Trong bảng chào giá phải ghi rõ hiệu lực của chào giá.

- Bảng chào giá phải được bỏ phong bì, niêm phong kín miệng bao để bảo mật và tạo sự khách quan trong việc mời chào giá.

- Bảng chào giá phải ghi rõ nội dung ngoài phong bì để tiện theo dõi.

- Các công ty tham gia chào giá phải đảm bảo tính độc lập, không có mối quan hệ với nhau. Phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính pháp lý, hoạt động kinh doanh, phạm vi hoạt động, các thông tin và tài liệu cung cấp cho Trung tâm Y tế quận Ngũ Hành Sơn kèm theo bảng báo giá đồng thời tuân thủ các quy định khác của pháp luật.

- Các công ty tham gia chào giá phải chịu trách nhiệm việc cung cấp thông tin về giá của hàng hoá, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

- Thời gian nhận báo giá từ ngày 05/3/2025 đến 11H00 ngày 16/3/2025.

- Nơi nhận báo giá: Phòng TC-HC Trung tâm Y tế quận Ngũ Hành Sơn.

- Địa chỉ: Số 582 Lê Văn Hiến, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Điện thoại : 02363.969894.

- Trung tâm Y tế quận Ngũ Hành Sơn sẽ không hoàn trả các hồ sơ không được lựa chọn. Rất mong sự hồi đáp của Quý Công ty. Xin chân thành cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Tổ CNTT (để đăng website);

- Lưu: VT, TC-HC.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Tiến Hưng